

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm; Quyết định 530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại các Tờ trình: số 343/TTr-SNV ngày 19/5/2026, số 343/TTr-SNV ngày 19/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong các lĩnh vực việc làm, lao động ngoài nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 06 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; Quyết định 530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực nội vụ (*Chi tiết, tại Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 02 thủ tục hành chính (*Chi tiết, tại Phụ lục II đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận, trả kết quả giải quyết đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

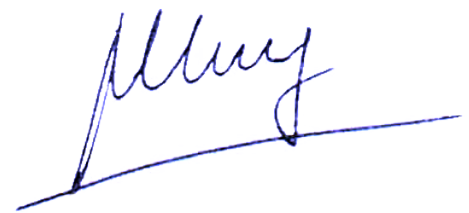
2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm cập nhật, đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, NV&KTGS;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|---|--|--|---|----------------|--|
| | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | | |
| I | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG LĨNH VỰC VIỆC LÀM <i>(Thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế)</i> | | | | | | |
| 1. | 1.014196 | Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động | - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định | - Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia |

| | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|---|----------------|--|
| | | | động. | động. | | | |
| 2. | 1.014197 | Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | Không thực hiện cắt giảm | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định | - Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. |
| 3. | 1.014198 | Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định | - Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, |

| | | | | | | | |
|----|----------|--|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | <i>ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i> |
| 4. | 1.014199 | Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | - 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động. | - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động. - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | 600.000 đồng <i>(Miễn lệ phí hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026 theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND)</i> | - Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng. - Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| 5. | 1.014200 | Cấp lại giấy | 03 ngày làm việc | 03 ngày làm việc | - Trung tâm | 450.000 đồng | - Bộ luật Lao động năm |

| | | | | | | | |
|----|----------|---|---|--|---|--|--|
| | | phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | (Miễn lệ phí hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026 theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND) | 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố hải phòng. - Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| 6. | 1.014201 | Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 02 ngày làm | - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm | 450.000 đồng (Miễn lệ phí hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/7/2025 đến | - Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của |

| | | | | | | | |
|--|--|-----------------------------|---|---|--------------------------------|--|---|
| | | ngoài làm việc tại Việt Nam | - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động. | việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động. | Phục vụ hành chính công cấp xã | hết 31/12/2026 theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND) | <p>Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố hải phòng.</p> <p>- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn</p> |
|--|--|-----------------------------|---|---|--------------------------------|--|---|

| | | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|---|----------------|---|
| | | | | | | | <p>thành phố Hải Phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| II LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC <i>(Thẩm quyền giải quyết Sở Nội vụ)</i> | | | | | | | |
| 7. | 1.015021 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập | 03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). | 03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) | <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định 112/2021/NĐ- |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|
| | | | | | | | <p>CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</p> <p>- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> |
|--|--|--|--|--|--|--|---|

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính |
|----------|---|--|---|
| I | LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC | | |
| 1. | 1.013731.H24 | Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài | Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng. |
| 2. | 1.013732.H24 | Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài | |